

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN
SAIGON BEER – ALCOHOL – BEVERAGE
CORPORATION**

Số/No.: 219 /BSG-PQHCD

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2026
Ho Chi Minh City, March 26, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/*Vietnam Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM/*Ho Chi Minh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN**

- *Organization name:* **SAIGON BEER - ALCOHOL - BEVERAGE CORPORATION**
- Mã chứng khoán: SAB
- *Stock symbol:* SAB
- Địa chỉ: 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Tp. Hồ Chí Minh
- *Address:* 187 Nguyen Chi Thanh, Cho Lon Ward, Ho Chi Minh City
- Số điện thoại: (8428) 38 296 342
- *Telephone:* (8428) 38 296 342
- Fax: (8428) 38 296 856

2. Nội dung thông tin công bố/*Information to be disclosed:*

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 (riêng và hợp nhất)
2025 Audited Financial Statements (separate and consolidated)

3. Thông tin này được công bố trên trang điện tử của SABECO vào ngày 26 /3/2026 tại đường dẫn:

This information is disclosed on SABECO's website on March 26, 2026 at the link below:

- Tiếng Việt/*Vietnamese:* <https://www.sabeco.com.vn/co-dong/bao-cao-tai-chinh/2025-2>
- Tiếng Anh/*English:* <https://www.sabeco.com.vn/en-US/2025-3>



Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

We hereby declare that all information provided in this announcement is true and accurate. We shall be legally responsible for the accuracy of our information disclosure.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/*As above*;
- Lưu: Phòng Quan hệ cổ đông/*IR archive*.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
ORGANIZATIONAL REPRESENTATIVE
AUTHORIZED PERSON TO DISCLOSE INFORMATION



Koo Liang Kwee





**Tổng Công ty Cổ phần
Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thông tin về Tổng Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp Số**

0300583659

ngày 29 tháng 2 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty ("GCNĐKDN") đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300583659 ngày 12 tháng 9 năm 2025. GCNĐKDN và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Pramoad Phornprapha	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên
Bà Trần Kim Nga	Thành viên
Ông Lê Thanh Tuấn	Thành viên
Bà Ngô Minh Châu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Tan Teck Chuan Lester	Tổng Giám đốc
Ông Koo Liang Kwee	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ng Kuan Ngee Melvyn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lee Chio Lim Larry	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lim Pei Chi Patsy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lâm Du An	Phó Tổng Giám đốc
	Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh

Ủy ban Kiểm toán

Ông Pramoad Phornprapha	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên

**Người đại diện theo
Pháp luật**

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Tan Teck Chuan Lester	Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh
Phường Chợ Lớn
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 64.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

5.00
NG
CỔ I
IA-1
C G
AI
-TP-

02
AN
TH
AG
03



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00466-26-1



Triệu Tích Quyền

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Nelson Rodriguez Casihan

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2225-2023-007-1



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		19.663.553.633.876	22.678.040.434.933
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.542.670.575.381	2.868.932.106.996
Tiền	111		112.670.575.381	151.932.106.996
Các khoản tương đương tiền	112		2.430.000.000.000	2.717.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.711.000.000.000	15.616.317.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	123	6(a)	13.711.000.000.000	15.616.317.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.727.895.328.504	3.474.506.046.993
Phải thu của khách hàng	131	7	1.705.482.648.794	1.498.883.031.698
Trả trước cho người bán	132		2.436.430.769	25.991.313.183
Phải thu về cho vay	135	8	487.271.260.624	461.719.706.807
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	820.592.651.342	1.775.799.658.330
Dự phòng phải thu khó đòi	137	10	(287.887.663.025)	(287.887.663.025)
Hàng tồn kho	140	11(a)	523.188.723.612	559.546.921.726
Hàng tồn kho	141		534.213.131.757	571.938.526.999
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.024.408.145)	(12.391.605.273)
Tài sản ngắn hạn khác	150		158.799.006.379	158.738.359.218
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12(a)	112.030.655.895	118.092.418.969
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		44.149.975.424	36.234.033.199
Thuế phải thu Nhà nước	153	19(b)	2.618.375.060	4.411.907.050

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn				
(200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		8.148.173.753.238	6.791.830.900.664
Các khoản phải thu dài hạn	210		342.169.654.854	340.994.065.559
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	342.169.654.854	340.994.065.559
Tài sản cố định	220		1.049.891.675.400	1.117.842.320.278
Tài sản cố định hữu hình	221	13	202.029.560.881	251.424.151.847
Nguyên giá	222		3.714.959.219.017	3.668.681.046.422
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.512.929.658.136)	(3.417.256.894.575)
Tài sản cố định vô hình	227	14	847.862.114.519	866.418.168.431
Nguyên giá	228		1.022.870.558.146	1.023.478.430.865
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(175.008.443.627)	(157.060.262.434)
Bất động sản đầu tư	230	15	82.248.659.902	39.669.646.890
Nguyên giá	231		164.461.661.253	112.364.600.461
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(82.213.001.351)	(72.694.953.571)
Tài sản dở dang dài hạn	240		85.590.847.054	79.844.252.398
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	85.590.847.054	79.844.252.398
Đầu tư tài chính dài hạn	250		6.364.533.131.148	4.997.348.273.210
Đầu tư vào các công ty con	251	6(c)	4.137.285.817.355	3.153.019.479.350
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	6(c)	608.980.350.635	608.980.350.635
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	6(c)	419.858.124.916	546.287.362.407
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(c)	(738.591.161.758)	(645.938.919.182)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	255	6(b)	1.937.000.000.000	1.335.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		223.739.784.880	216.132.342.329
Chi phí trả trước dài hạn	261	12(b)	64.238.301.188	65.232.899.968
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	145.897.833.363	132.527.331.018
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	11(b)	13.603.650.329	18.372.111.343
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		27.811.727.387.114	29.469.871.335.597

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		9.372.011.824.124	8.811.053.721.648
Nợ ngắn hạn	310		9.287.495.315.572	8.723.003.536.581
Phải trả người bán	311	18	5.061.582.287.212	4.657.041.155.217
Người mua trả tiền trước	312		44.294.234.805	13.961.166.545
Thuế phải nộp Nhà nước	313	19(a)	414.562.299.952	377.364.075.268
Phải trả người lao động	314		22.212.491.233	22.172.169.367
Chi phí phải trả	315	20	340.853.800.960	258.089.199.523
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	3.342.812.361.682	3.340.319.673.627
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	61.177.839.728	54.056.097.034
Nợ dài hạn	330		84.516.508.552	88.050.185.067
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	53.247.542.136	53.247.542.136
Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	31.268.966.416	34.802.642.931
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		18.439.715.562.990	20.658.817.613.949
Vốn chủ sở hữu	410	24	18.439.715.562.990	20.658.817.613.949
Vốn cổ phần	411	25	12.825.623.720.000	12.825.623.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.825.623.720.000	12.825.623.720.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	760.819.802.040	760.819.802.040
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.853.272.040.950	7.072.374.091.909
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		654.808.817.301	2.878.719.029.360
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		4.198.463.223.649	4.193.655.062.549
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		27.811.727.387.114	29.469.871.335.597

Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Người duyệt:


 Nguyễn Văn Hòa
 Kế toán


 Trần Nguyên Trung
 Kế toán trưởng


 Koo Liang Kwee
 Phó Tổng Giám đốc


 Tan Teck Chuan Lester
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu	01	29	37.709.162.398.104	40.307.905.935.578
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	10.793.321.663	-
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	29	37.698.369.076.441	40.307.905.935.578
Giá vốn hàng bán	11	30	31.805.847.830.744	34.448.691.239.392
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		5.892.521.245.697	5.859.214.696.186
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	3.162.308.695.687	3.081.432.206.162
Chi phí tài chính	22	32	96.328.571.431	23.706.239.245
Chi phí bán hàng	25	33	3.647.560.899.808	3.625.457.289.949
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	500.608.493.163	457.428.263.811
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		4.810.331.976.982	4.834.055.109.343
Thu nhập khác	31		1.670.454.685	7.562.443.565
Chi phí khác	32		3.784.640.619	6.251.562.690
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(2.114.185.934)	1.310.880.875
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.808.217.791.048	4.835.365.990.218
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	558.307.823.710	578.298.848.337
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	(13.370.502.345)	4.337.079.332
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.263.280.469.683	4.252.730.062.549

Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Người duyệt:





Nguyễn Văn Hòa
Kế toán

Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Koo Liang Kwee
Phó Tổng Giám đốc

Tan Teck Chuan Lester
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	4.808.217.791.048	4.835.365.990.218
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	123.138.992.534	113.843.946.359
Các khoản dự phòng	03	96.367.932.984	24.848.146.815
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	86.031.726	803.643.004
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(3.157.156.734.113)	(3.068.825.693.461)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.870.654.014.179	1.906.036.032.935
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(185.118.494.239)	166.745.353.277
Biến động hàng tồn kho	10	38.165.947.454	465.884.400.540
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	514.582.513.413	272.694.668.694
Biến động chi phí trả trước	12	16.504.491.302	16.802.961.441
		2.254.788.472.109	2.828.163.416.887
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(535.628.755.251)	(622.739.562.115)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(46.694.088.124)	(42.483.314.975)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.672.465.628.734	2.162.940.539.797

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(113.291.631.884)	(91.516.291.764)
Tiền chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(15.363.000.000.000)	(18.731.317.000.000)
Tiền thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		16.666.317.000.000	18.510.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con và các đơn vị khác	25		(14.880.324.020)	(950.900.765.372)
Tiền thu từ thoái vốn trong một công ty liên kết và đơn vị khác	26		-	3.600.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và phân phối lợi nhuận	27		3.238.917.589.832	3.258.491.476.269
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.414.062.633.928	1.998.357.419.133
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi trả cổ tức	36		(6.412.662.331.550)	(4.489.299.293.200)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		(6.412.662.331.550)	(4.489.299.293.200)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(326.134.068.888)	(328.001.334.270)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		2.868.932.106.996	3.197.402.607.546
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(127.462.727)	(469.166.280)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	2.542.670.575.381	2.868.932.106.996

Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Nguyễn Văn Hòa

Nguyễn Văn Hòa
Kế toán

Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Koo Liang Kwee

Koo Liang Kwee
Phó Tổng Giám đốc

Tan Teck Chuan Lester
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị bao gồm Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải Khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “SAB” theo Quyết định Niêm yết số 470/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2016.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm vật liệu và bao bì.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Cấu trúc của Tổng Công ty bao gồm Văn phòng Tổng Công ty và Nhà máy bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh và Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi, hai nhà máy này hoạt động và hạch toán độc lập, chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Hoạt động chính	Địa chỉ
Nhà máy bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Số 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Khu C1, Đường D3, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có 26 công ty con sở hữu trực tiếp và 12 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sở hữu trực tiếp (1/1/2025: 25 công ty con sở hữu trực tiếp và 12 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sở hữu trực tiếp), như được trình bày ở Thuyết minh 6(c).



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngoài ra, Tổng Công ty sở hữu gián tiếp 4 công ty con và 4 công ty liên kết (1/1/2025: 1 công ty con và 5 công ty liên kết), chi tiết như sau:

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	31/12/2025		1/1/2025	
				% quyền sở hữu	% quyền quyết	% quyền sở hữu	% quyền quyết
Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây							
1	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Lô S, Khu Công nghiệp An Nghiệp, Xã An Ninh, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng và nước tinh khiết đóng chai	86,32%	100%	84,46%	100%
Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (*)							
2	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	Số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh nước giải khát và dịch vụ nhà hàng	59,63%	100%	-	-
3	Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	Khu Công nghiệp Thành Hải, Phường Bảo An, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia	59,63%	100%	-	-
4	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Phú Lý	104 - 106 Trần Phú, Phường Hà Nam, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia	59,63%	100%	-	-
Các công ty liên kết							
1	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư - Thiết kế và Chuyên giao Công nghệ Thành Nam	50A, Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn xây dựng và thiết kế	28,57%	28,57%	28,57%	28,57%
2	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	3E/5, Phố Quang, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm máy móc cầu đường và xây dựng công nghiệp	26,00%	26,00%	26,00%	26,00%
3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Lô B5, Khu Công nghiệp Trà Kha, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	17,26%	20,00%	16,89%	20,00%

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	31/12/2025		1/1/2025	
				% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
4	Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	Lô 22, Khu Công nghiệp Trà Nóc 1, Phường Thới An Đông, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát, sữa đậu nành và nước ép trái cây	30,96%	34,92%	30,79%	34,92%
5	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (*)	Số 8, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, gia công và kinh doanh thực phẩm, nước giải khát, bia và đồ uống có cồn	-	-	21,80%	22,18%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có 693 nhân viên (1/1/2025: 702 nhân viên).

(*) Vào ngày 3 tháng 1 năm 2025, Tổng Công ty đã mua thêm 37.814.900 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (“Sabibeco”), qua đó nắm quyền kiểm soát Sabibeco. Tổng giá trị thanh toán của giao dịch là 842.957 triệu VND (Thuyết minh 6(c)(i)).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 5 – 25 năm
- máy móc và thiết bị 3 – 12 năm
- phương tiện vận chuyển 3 – 8 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 6 năm

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất từ 40 đến 49 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 43 năm
- nhà cửa, vật kiến trúc 20 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Bộ phận kinh doanh của Tổng Công ty được chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bán bia, bao gồm hàng hóa và thành phẩm;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động kinh doanh khác.

Trong năm, các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và tài sản và nợ phải trả của Tổng Công ty tại ngày báo cáo chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh bia. Theo đó, thông tin tài chính được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh bia của Tổng Công ty. Thuyết minh 29 và Thuyết minh 30 trình bày chi tiết doanh thu và giá vốn của từng loại sản phẩm, vì vậy đã cung cấp đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động của mỗi bộ phận kinh doanh như được phân loại ở trên.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tổng Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu bán hàng xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Tổng Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	112.670.575.381	151.932.106.996
Các khoản tương đương tiền	2.430.000.000.000	2.717.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	2.542.670.575.381	2.868.932.106.996
	<hr/>	<hr/>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,75% đến 4,80% một năm (1/1/2025: từ 4,60% đến 4,75% một năm).

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,75% đến 7,00% một năm (1/1/2025: từ 4,30% đến 5,80% một năm).

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,00% đến 7,80% một năm (1/1/2025: từ 5,30% đến 5,90% một năm).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn

	31/12/2025			1/1/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào các công ty con (i)	4.137.285.817.355	(344.611.822.336)	3.792.673.995.019	3.153.019.479.350	(237.593.783.288)	2.915.425.696.062
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (ii)	608.980.350.635	(111.552.283.900)	497.428.066.735	608.980.350.635	(107.229.083.050)	501.751.267.585
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (iii)	419.858.124.916	(282.427.055.522)	137.431.069.394	546.287.362.407	(301.116.052.844)	245.171.309.563
	<u>5.166.124.292.906</u>	<u>(738.591.161.758)</u>	<u>4.427.533.131.148</u>	<u>4.308.287.192.392</u>	<u>(645.938.919.182)</u>	<u>3.662.348.273.210</u>



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty	31/12/2025				1/1/2025			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	86,32%	391.071.741.550	742.686.644.700	-	84,46%	376.191.417.530	658.925.622.750	-
▪ Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	62,06%	236.167.400.000	68.730.974.500	(167.436.425.500)	62,06%	236.167.400.000	77.123.067.000	(159.044.333.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	66,56%	299.548.230.160	572.733.850.000	-	66,56%	299.548.230.160	627.682.116.667	-
▪ Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	91,75%	208.414.271.535	(*)	(2.108.647.825)	91,75%	208.414.271.535	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	51,24%	17.650.697.182	35.198.445.000	-	51,24%	17.650.697.182	24.491.354.700	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	54,73%	76.324.868.844	35.671.629.000	(40.653.239.844)	54,73%	76.324.868.844	38.240.538.000	(38.084.330.844)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	68,78%	314.250.000.000	313.616.350.000	(633.650.000)	68,78%	314.250.000.000	302.505.300.000	(11.744.700.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	52,11%	93.800.000.000	162.930.600.000	-	52,11%	93.800.000.000	190.873.620.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	100%	700.000.000.000	(*)	-	100%	700.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	90,00%	37.422.345.046	(*)	-	90,00%	37.422.345.046	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	95,07%	37.369.732.632	(*)	-	95,07%	37.369.732.632	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm	94,47%	83.141.000.000	(*)	-	94,47%	83.141.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	91,24%	54.546.288.176	(*)	(43.530.614.003)	91,24%	54.546.288.176	(*)	(28.720.419.444)

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty	31/12/2025				1/1/2025			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	90,00%	36.541.448.653	(*)	-	90,00%	36.541.448.653	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	90,14%	55.799.775.209	(*)	-	90,14%	55.799.775.209	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	90,68%	36.362.195.948	(*)	-	90,68%	36.362.195.948	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	90,00%	36.265.364.767	(*)	-	90,00%	36.265.364.767	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	90,00%	36.798.955.472	(*)	-	90,00%	36.798.955.472	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	100%	59.365.663.690	(*)	-	100%	59.365.663.690	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	90,45%	36.000.000.000	(*)	-	90,45%	36.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	100%	120.000.000.000	(*)	-	100%	120.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	76,81%	55.174.824.506	(*)	-	76,81%	55.174.824.506	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn	100%	60.000.000	(*)	-	100%	60.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	100%	40.000.000.000	(*)	(8.802.379)	100%	40.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	52,91%	105.825.000.000	(*)	-	52,91%	105.825.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	59,63%	969.386.013.985	879.145.571.200	(90.240.442.785)	-	-	-	-
		<u>4.137.285.817.355</u>		<u>(344.611.822.336)</u>		<u>3.153.019.479.350</u>		<u>(237.593.783.288)</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của các khoản đầu tư vào các công ty con trong năm như sau:

	2025	2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.153.019.479.350	3.039.072.394.329
Tăng trong năm	14.880.324.020	113.947.085.021
Tăng liên quan đến việc mua lại Sabibeco (Thuyết minh 1(d))	842.956.776.494	-
Phân loại lại từ đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác liên quan đến việc mua lại Sabibeco (Thuyết minh 6(c)(iii))	126.429.237.491	-
Số dư cuối năm	<u>4.137.285.817.355</u>	<u>3.153.019.479.350</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2025			1/1/2025			
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	
Đầu tư vào các công ty liên kết								
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	27.03%	33.787.500.000	36.784.451.250	-	27.03%	33.787.500.000	33.513.821.250	(273.678.750)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	32.22%	103.174.711.495	383.251.915.550	-	32.22%	103.174.711.495	413.546.609.000	-
▪ Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	29.00%	72.500.000.000	(*)	(72.500.000.000)	29.00%	72.500.000.000	(*)	(72.500.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	20.00%	30.000.000.000	(*)	-	20.00%	30.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	20.00%	23.000.000.000	(*)	(23.000.000.000)	20.00%	23.000.000.000	(*)	(23.000.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	26.00%	26.000.000.000	(*)	-	26.00%	26.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	20.00%	20.000.000.000	(*)	-	20.00%	20.000.000.000	(*)	-



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) **Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)**

Tên công ty	31/12/2025				1/1/2025			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát								
▪ Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh	25,00%	43.111.007.200	(*)	-	25,00%	43.111.007.200	(*)	-
▪ Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	30,00%	113.224.326.586	(*)	-	30,00%	113.224.326.586	(*)	-
▪ Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	30,00%	86.338.395.824	(*)	-	30,00%	86.338.395.824	(*)	-
▪ Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	35,00%	26.212.239.000	(*)	-	35,00%	26.212.239.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	45,00%	31.632.170.530	(*)	(16.052.283.900)	45,00%	31.632.170.530	(*)	(11.455.404.300)
		608.980.350.635		(111.552.283.900)		608.980.350.635		(107.229.083.050)

Biến động của đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	608.980.350.635	613.705.350.635
Giảm trong năm		- (4.725.000.000)
Số dư cuối năm	608.980.350.635	608.980.350.635

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Tên công ty	31/12/2025			1/1/2025		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (**)	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	46.000.000.000	(*)	-	46.000.000.000	(*)	(3.152.549.322)
▪ Công ty Cổ phần PVI	51.475.140.000	45.152.802.000	(6.322.338.000)	51.475.140.000	29.616.354.000	(21.858.786.000)
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	30.700.950.000	7.486.710.000	(30.700.950.000)	30.700.950.000	7.538.160.000	(30.700.950.000)
▪ Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)
▪ Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	26.588.267.394	(*)	-	26.588.267.394	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	-	-	-	126.429.237.491	255.553.866.300	-
▪ Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	19.690.000.000	(*)	-	19.690.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)
▪ Công ty TNHH Đầu tư Sabeco HP	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Đồng Nai	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)
	419.858.124.916		(282.427.055.522)	546.287.362.407		(301.116.052.844)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 được xác định bằng cách tham khảo giá niêm yết cổ phiếu.

- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (**) Vào ngày 17 tháng 1 năm 2025, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (“DongA Bank”) đã được chuyển giao bắt buộc cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank”).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác trong năm như sau:

	2025	2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	546.287.362.407	569.372.362.407
Giảm trong năm	-	(23.085.000.000)
Phân loại lại thành khoản đầu tư vào các công ty con liên quan đến việc mua lại Sabibeco (Thuyết minh 6(c)(i))	(126.429.237.491)	-
Số dư cuối năm	419.858.124.916	546.287.362.407

(iv) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2025	2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	645.938.919.182	657.575.509.856
Dự phòng trích lập trong năm	122.725.968.648	33.607.482.409
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(30.073.726.072)	(21.034.073.083)
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(24.210.000.000)
Số dư cuối năm	738.591.161.758	645.938.919.182

7. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.376.375.823.681	1.180.823.494.543
Các khách hàng khác	329.106.825.113	318.059.537.155
Tổng cộng	1.705.482.648.794	1.498.883.031.698

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Các công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.376.375.823.681	1.180.823.494.543
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	81.324.390.202	3.023.434.357
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	32.811.054.041	34.567.698.610
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	18.582.713.731	7.134.381.466
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	13.586.017.928	21.578.153.374
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	12.725.416.233	9.647.942.470
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	6.006.808.089	10.961.135.509
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	4.786.513.551	4.218.354.744
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	4.252.726.098	8.683.363.918
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	439.066.095	5.424.300.951
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	232.989.113	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	105.807.967	456.281.707
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	18.153.720	860.952.956
Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	8.378.640	217.456.800
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	-	14.037.688.251
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Phú Lý	-	12.165.928.605
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	-	1.087.767.291
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	-	332.464.664
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	-	224.787.200
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	-	219.929.600
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	-	219.612.800
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	-	166.217.700
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	-	131.218.266
<i>Các công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	75.507.029.723	74.840.176.095
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	50.220.626.899	64.259.344.007
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	19.988.919.539	19.988.919.539
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	4.202.480.674	1.098.199.869
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	2.720.753.603	10.101.178.680
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	-	7.914.072.127
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	-	1.712.468.742

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu về cho vay

	Năm đáo hạn	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Công ty con</i>			
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	2026	487.271.260.624	461.719.706.807

Khoản cho một công ty con vay không được đảm bảo và hưởng lãi suất từ 6,3% đến 7,0% một năm (1/1/2025: từ 5,5% đến 5,6% một năm). Tiền lãi của các khoản cho vay này được nhận vào ngày đáo hạn hoặc ngày trả nợ trước hạn (nếu có) của các hợp đồng cho vay tương ứng, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Trong năm, ngày đáo hạn của các khoản cho vay ngắn hạn này đã được gia hạn đến năm 2026.

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay	362.814.172.567	351.358.710.802
Phải thu do chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư và phần vốn góp trong công ty liên kết (Thuyết minh 10)	277.230.733.543	277.230.733.543
Phải thu về cổ tức và phân phối lợi nhuận	177.011.218.342	295.783.084.317
Tạm ứng cho việc mua cổ phiếu của Sabibeco (*)	-	832.426.956.680
Phải thu khác	3.536.526.890	19.000.172.988
	820.592.651.342	1.775.799.658.330

(*) Khoản phải thu này phản ánh khoản tiền tạm ứng thanh toán được gửi tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, theo quy định của Luật Chứng khoán, cho việc mua cổ phiếu của Sabibeco.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
<i>Các công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	100.866.225.158	112.286.346.499
Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	14.618.986.145	46.076.790.219
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	4.671.765.703	3.799.212.014
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	3.322.103.905	1.068.279.206
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	1.556.157.171	1.287.204.098
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	-	3.422.834.000
<i>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	277.230.733.543	277.230.733.543
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh	45.569.436.899	44.242.171.746
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	8.789.550.000	8.789.550.000
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	-	64.200.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	-	14.426.044.500
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	2.300.000.000	-

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Phải thu Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh, một công ty con	328.073.502.218	328.073.502.218
Ký quỹ, ký cược dài hạn	14.096.152.636	12.920.563.341
	342.169.654.854	340.994.065.559

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu của khách hàng	19.988.919.539	(10.656.929.482)	9.331.990.057
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 9(a))	277.230.733.543	(277.230.733.543)	-
	297.219.653.082	(287.887.663.025)	9.331.990.057

	1/1/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu của khách hàng	19.988.919.539	(10.656.929.482)	9.331.990.057
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 9(a))	277.230.733.543	(277.230.733.543)	-
	297.219.653.082	(287.887.663.025)	9.331.990.057

11. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	79.179.536.541	-	75.584.452.041	-
Nguyên vật liệu	341.879.319.299	(636.081.135)	377.389.197.309	(541.425.458)
Công cụ và dụng cụ	23.044.130.139	(10.388.327.010)	22.461.383.901	(11.850.179.815)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	61.840.686.930	-	72.782.418.658	-
Thành phẩm	22.472.830.627	-	20.196.689.854	-
Hàng hóa	5.796.628.221	-	3.524.385.236	-
	534.213.131.757	(11.024.408.145)	571.938.526.999	(12.391.605.273)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có 11.024 triệu VND (1/1/2025: 12.392 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời, hoặc chậm luân chuyển.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2025	2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	12.391.605.273	22.151.368.113
Dự phòng trích lập trong năm	842.502.708	599.758.125
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(328.239.836)	(7.725.642.465)
Dự phòng sử dụng trong năm	(1.881.460.000)	(2.633.878.500)
Số dư cuối năm	11.024.408.145	12.391.605.273

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	50.738.294.547	(37.134.644.218)	53.060.306.759	(34.688.195.416)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	2025	2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	34.688.195.416	33.722.170.511
Dự phòng trích lập trong năm	6.294.021.271	3.840.592.596
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(3.847.572.469)	(2.874.567.691)
Số dư cuối năm	37.134.644.218	34.688.195.416

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Chi phí băng hiệu quảng cáo	106.678.149.558	110.396.432.990
Chi phí trả trước khác	5.352.506.337	7.695.985.979
	112.030.655.895	118.092.418.969

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Quyền sử dụng đất	Công cụ và	
	chờ bàn giao (*)	dụng cụ và	Tổng
	VND	chi phí khác	VND
		VND	
Số dư đầu năm	51.602.316.000	13.630.583.968	65.232.899.968
Tăng trong năm	-	304.959.253	304.959.253
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	9.448.129.448	9.448.129.448
Phân bổ trong năm	-	(10.747.687.481)	(10.747.687.481)
	51.602.316.000	12.635.985.188	64.238.301.188

(*) Giá trị quyền sử dụng đất chờ bàn giao phản ánh tiền thuế đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 21(b)).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	527.774.586.582	2.952.447.751.355	54.949.941.105	133.508.767.380	3.668.681.046.422
Tăng trong năm	-	3.717.300.000	89.000.000	970.296.000	4.776.596.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.162.177.421	25.656.602.879	-	2.823.506.318	33.642.286.618
Chuyển từ bất động sản đầu tư	7.859.289.977	-	-	-	7.859.289.977
Số dư cuối năm	540.796.053.980	2.981.821.654.234	55.038.941.105	137.302.569.698	3.714.959.219.017
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	460.501.333.108	2.782.006.058.633	54.017.649.861	120.731.852.973	3.417.256.894.575
Khấu hao trong năm	9.001.916.503	73.269.445.446	216.677.733	6.775.313.504	89.263.353.186
Chuyển từ bất động sản đầu tư	6.409.410.375	-	-	-	6.409.410.375
Số dư cuối năm	475.912.659.986	2.855.275.504.079	54.234.327.594	127.507.166.477	3.512.929.658.136
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	67.273.253.474	170.441.692.722	932.291.244	12.776.914.407	251.424.151.847
Số dư cuối năm	64.883.393.994	126.546.150.155	804.613.511	9.795.403.221	202.029.560.881

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.642.070 triệu VND (1/1/2025: 2.591.071 triệu VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 106.073 triệu VND (1/1/2025: 102.584 triệu VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mà Tổng Công ty cho các công ty con và các công ty liên kết thuê để hưởng thu nhập cho thuê tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 25.868 triệu VND (1/1/2025: 25.368 triệu VND).

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	906.610.413.944	116.868.016.921	1.023.478.430.865
Tăng trong năm	-	1.718.906.352	1.718.906.352
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	7.497.071.698	7.497.071.698
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(9.823.850.769)	-	(9.823.850.769)
Số dư cuối năm	896.786.563.175	126.083.994.971	1.022.870.558.146
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	73.824.427.731	83.235.834.703	157.060.262.434
Khấu hao trong năm	3.888.808.891	18.683.750.686	22.572.559.577
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(4.624.378.384)	-	(4.624.378.384)
Số dư cuối năm	73.088.858.238	101.919.585.389	175.008.443.627
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	832.785.986.213	33.632.182.218	866.418.168.431
Số dư cuối năm	823.697.704.937	24.164.409.582	847.862.114.519

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 68.180 triệu VND (1/1/2025: 64.257 triệu VND).

(*) Trong quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các quyền sử dụng đất với giá trị là 735.380 triệu VND được Tổng Công ty ghi nhận theo giá tạm tính tăng thêm vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Biên bản Quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty do Ban Quyết toán cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công thương và Bộ Tài chính thực hiện tại ngày 30 tháng 4 năm 2008, lập vào ngày 6 tháng 3 năm 2010. Tổng Công ty đã ghi nhận tăng giá trị quyền sử dụng đất này vào tài khoản “Tài sản cố định vô hình”, đồng thời ghi nhận tăng tương ứng một khoản phải trả Nhà nước vào tài khoản “Phải trả ngắn hạn khác” (Thuyết minh 21(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Bộ Công thương và Bộ Tài chính của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã giao cho Tổng Công ty quản lý và sử dụng các khu đất này theo kế hoạch của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày của báo cáo tài chính này, Tổng Công ty đã nộp hồ sơ cho các hợp đồng thuê đất hàng năm gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại, các khu đất này đang được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Đây là quyền sử dụng đất hàng năm với những hạn chế về quyền sở hữu, và không được tự ý chuyển nhượng, cho thuê lại, thế chấp hay xây dựng.

Chi tiết của quyền sử dụng đất được ghi nhận theo giá trị tạm tính tăng thêm vào ngày 6 tháng 3 năm 2010 như sau:

STT	Địa chỉ	Diện tích m ²	Giá trị định giá khi xác định giá trị doanh nghiệp VND
1	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	17.406,1	418.634.111.100
2	474 Nguyễn Chí Thanh, Phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	7.729,0	247.637.160.000
3	46 Bến Vân Đồn, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.872,5	55.241.212.500
4	18/3B Phan Huy Ích, Phường Tân Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.216,3	13.867.389.100
			<hr/>
			735.379.872.700

Tổng Công ty chưa trích khấu hao cho giá trị của các quyền sử dụng đất này do thời gian sử dụng chưa được xác định một cách đáng tin cậy tại ngày lập báo cáo tài chính. Trong năm, Tổng Công ty cũng đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng chi phí thuê đất và thuế đất với số tiền là 56.945 triệu VND (2024: 44.286 triệu VND) theo thông báo nộp thuế sử dụng đất của các chi cục thuế địa phương.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	22.749.382.633	89.615.217.828	112.364.600.461
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(7.859.289.977)	(7.859.289.977)
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	9.823.850.769	-	9.823.850.769
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	50.132.500.000	50.132.500.000
Số dư cuối năm	32.573.233.402	131.888.427.851	164.461.661.253
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	10.268.418.098	62.426.535.473	72.694.953.571
Khấu hao trong năm	601.675.355	10.701.404.416	11.303.079.771
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(6.409.410.375)	(6.409.410.375)
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	4.624.378.384	-	4.624.378.384
Số dư cuối năm	15.494.471.837	66.718.529.514	82.213.001.351
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	12.480.964.535	27.188.682.355	39.669.646.890
Số dư cuối năm	17.078.761.565	65.169.898.337	82.248.659.902

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	79.844.252.398	96.307.399.286
Tăng trong năm	106.466.582.420	68.644.365.329
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(33.642.286.618)	(35.054.997.956)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(7.497.071.698)	(41.440.407.895)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(50.132.500.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(9.448.129.448)	(8.612.106.366)
Số dư cuối năm	85.590.847.054	79.844.252.398

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Dự án san lấp mặt bằng tại Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi	43.296.363.636	43.296.363.636
Dự án hệ thống năng lượng mặt trời tại Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi	13.060.840.000	-
Các công trình khác	29.233.643.418	36.547.888.762
	85.590.847.054	79.844.252.398

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:			
▪ Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	75.746.084.712	62.870.008.756
▪ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20%	58.388.552.284	58.109.976.229
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	20%	9.631.810.471	9.415.960.137
▪ Dự phòng phải thu khó đòi	20%	2.131.385.896	2.131.385.896
		145.897.833.363	132.527.331.018

18. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	547.420.227.877	384.233.608.820
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	404.695.685.526	446.313.320.167
Các nhà cung cấp khác	4.109.466.373.809	3.826.494.226.230
	5.061.582.287.212	4.657.041.155.217

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
<i>Các công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	547.420.227.877	384.233.608.820
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	228.440.383.689	81.950.530.605
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	220.267.843.907	140.690.077.211
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm	206.258.835.479	147.269.411.035
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	202.925.829.026	211.153.503.586
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	195.865.200.224	211.947.177.947
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	189.852.088.804	261.304.645.144
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	120.450.100.830	127.360.618.112
Công ty Cổ Phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	119.360.205.813	118.339.194.478
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	111.093.936.441	118.456.608.837
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	109.159.491.033	111.753.096.045
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	99.202.883.553	26.015.219.445
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	99.020.581.338	112.866.961.434
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	88.874.172.640	71.100.997.760
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	84.540.620.561	68.395.874.096
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	81.370.827.828	41.496.087.134
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	79.738.604.708	49.295.616.625
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	57.530.582.993	29.759.879.640
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	55.031.657.120	28.854.540.998
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	34.921.324.347	29.425.782.060
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	23.108.222.535	11.272.782.616
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	22.405.191.072	14.158.378.311
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	15.489.055.560	5.996.954.300
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	9.214.291.476	5.468.940.333
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	4.798.447.194	4.435.466.576
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Phú Lý	1.310.763.297	16.246.357.444
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	50.813.021	615.988.069

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan (tiếp theo)

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	404.695.685.526	446.313.320.167
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	39.166.065.023	38.664.745.341
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	34.403.865.430	28.379.820.142
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	21.172.356.877	16.915.645.267
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	21.139.247.410	32.278.282.663
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	17.632.536.707	25.593.577.798
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	17.101.523.344	7.998.013.482
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	9.331.990.057	9.331.990.057
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	5.129.997.840	6.269.098.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	2.355.397.000	12.783.020.316
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	178.441.153.023	195.073.264.313
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	72.480.273.019	69.127.226.472
Sustainability Expo Co., Ltd	913.277.100	-
Dhospaak Co., Ltd	141.278.855	-
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	71.462.255	-
Bangkok Art Biennale Management Co., Ltd	-	767.640.000



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước**(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cán trừ VND	31/12/2025 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	225.875.652.071	2.529.180.740.289	(2.513.784.720.990)	-	241.271.671.370
Thuế thu nhập doanh nghiệp	144.585.472.802	558.307.823.710	(535.628.755.251)	-	167.264.541.261
Thuế giá trị gia tăng	-	4.600.471.054.728	(666.297.224.930)	(3.934.173.829.798)	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.143.460.316	62.795.863.525	(63.696.429.169)	-	3.242.894.672
Thuế xuất nhập khẩu	-	157.704.838	(157.704.838)	-	-
Thuế đất và tiền thuê đất	1.581.049.806	71.256.649.548	(69.463.117.569)	(1.793.531.990)	1.581.049.795
Thuế tài nguyên	1.184.960	570.022.720	(565.991.680)	-	5.216.000
Các loại thuế khác	1.177.255.313	26.406.752.033	(26.387.080.492)	-	1.196.926.854
	377.364.075.268	7.849.146.611.391	(3.875.981.024.919)	(3.935.967.361.788)	414.562.299.952

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2025 VND	Cán trừ VND	31/12/2025 VND
Tiền thuê đất	4.411.907.050	(1.793.531.990)	2.618.375.060

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	305.581.663.169	227.323.028.036
Chi phí phải trả khác	35.272.137.791	30.766.171.487
	340.853.800.960	258.089.199.523

21. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Cổ tức phải trả	2.573.297.646.300	2.573.148.117.850
Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (*)	735.379.872.700	735.379.872.700
Phải trả ngắn hạn khác	34.134.842.682	31.791.683.077
	3.342.812.361.682	3.340.319.673.627

(*) Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được ghi nhận theo Biên bản Quyết toán cổ phần hóa, do Ban Quyết toán cổ phần hóa, gồm các đại diện của Bộ Công thương và Bộ Tài chính, lập ngày 6 tháng 3 năm 2010 (Thuyết minh 14).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Các công ty mẹ cấp trung gian		
Thai Beverage Public Company Limited	640.794.398	1.038.781.316
BeerCo Limited	7.774.489.718	9.030.113.282
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Vietnam Beverage	1.374.570.348.000	1.374.570.348.000
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	1.522.160.540	1.522.160.540
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	739.328.874	739.328.874
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	437.717.745	437.717.745
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	350.916.554	350.916.554
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	287.780.949	287.780.949
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	106.561.973	106.561.973
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	82.229.450	82.229.450
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	52.063.478	52.063.478
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	12.932.851	12.932.851
Bên liên quan khác		
Chang International Co., Ltd	1.683.187.327	1.583.961.112

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 12(b))	51.602.316.000	51.602.316.000
Nhận ký quỹ dài hạn	1.645.226.136	1.645.226.136
	53.247.542.136	53.247.542.136

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Tổng Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	54.056.097.034	53.355.097.034
Trích lập trong năm (Thuyết minh 24)	44.773.760.961	38.075.000.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	4.753.414.608	(1.785.186.648)
Sử dụng trong năm	(42.405.432.875)	(35.588.813.352)
Số dư cuối năm	61.177.839.728	54.056.097.034

23. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	34.802.642.931	33.919.477.112
Dự phòng trích lập trong năm	754.978.734	7.777.667.442
Dự phòng sử dụng trong năm	(4.288.655.249)	(6.894.501.623)
Số dư cuối năm	31.268.966.416	34.802.642.931

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	12.825.623.720.000	760.819.802.040	8.007.183.330.712	21.593.626.852.752
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	4.252.730.062.549	4.252.730.062.549
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	(5.130.249.488.000)	(5.130.249.488.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	(38.075.000.000)	(38.075.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	1.785.186.648	1.785.186.648
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(21.000.000.000)	(21.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	12.825.623.720.000	760.819.802.040	7.072.374.091.909	20.658.817.613.949
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	4.263.280.469.683	4.263.280.469.683
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	(6.412.811.860.000)	(6.412.811.860.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	(44.773.760.961)	(44.773.760.961)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	(4.753.414.608)	(4.753.414.608)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(20.043.485.073)	(20.043.485.073)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	12.825.623.720.000	760.819.802.040	4.853.272.040.950	18.439.715.562.990

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.282.562.372	12.825.623.720.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.282.562.372	12.825.623.720.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

27. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty vào ngày 24 tháng 4 năm 2025 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước là 3.847.687 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) (2024: 2.565.125 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước).

Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty ngày 11 tháng 11 năm 2025 đã thông qua việc tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước là 2.565.125 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) (2024: 2.565.125 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Trong vòng một năm	54.047.180.713	49.242.908.700
Từ hai đến năm năm	11.274.095.200	13.642.039.375
Sau năm năm	42.658.940.836	42.869.009.697
	107.980.216.749	105.753.957.772

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	25.911	675.453.943	192.511	4.863.778.540
AUD	3.139	54.216.349	828	12.967.082
EUR	1.141	34.678.786	1.698	44.258.093
		764.349.078		4.921.003.715

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	30.855.187.875	21.303.604.817
	30.855.187.875	21.303.604.817

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu

Tổng doanh thu chủ yếu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng hóa	25.882.060.934.404	27.656.256.686.056
▪ Doanh thu bán nguyên vật liệu	7.942.514.936.733	8.797.149.547.001
▪ Doanh thu bán thành phẩm	3.772.856.134.017	3.758.915.636.101
▪ Doanh thu khác	111.730.392.950	95.584.066.420
	<hr/> 37.709.162.398.104	<hr/> 40.307.905.935.578
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	10.793.321.663	-
Doanh thu thuần	<hr/> 37.698.369.076.441	<hr/> 40.307.905.935.578

30. Giá vốn hàng bán

	2025 VND	2024 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	21.481.835.533.343	23.218.492.129.352
Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	7.940.542.780.307	8.798.952.522.135
Giá vốn thành phẩm đã bán	2.340.257.342.036	2.401.963.929.720
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	2.960.711.674	(6.159.859.435)
Giá vốn khác	40.251.463.384	35.442.517.620
	<hr/> 31.805.847.830.744	<hr/> 34.448.691.239.392

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025	2024
	VND	VND
Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia	2.228.604.876.883	2.075.821.467.988
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay	928.551.857.230	993.004.225.473
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	5.151.961.574	12.606.512.701
	3.162.308.695.687	3.081.432.206.162
	3.162.308.695.687	3.081.432.206.162

32. Chi phí tài chính

	2025	2024
	VND	VND
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	92.652.242.576	12.573.409.326
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.590.297.129	10.329.186.915
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	86.031.726	803.643.004
	96.328.571.431	23.706.239.245
	96.328.571.431	23.706.239.245

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí bán hàng

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	3.558.435.420.918	3.559.034.559.761
Chi phí nhân viên	62.566.510.884	42.014.094.511
Chi phí bán hàng khác	26.558.968.006	24.408.635.677
	3.647.560.899.808	3.625.457.289.949

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	232.628.814.275	225.926.470.497
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.034.902.096	107.388.422.915
Chi phí thuê	77.963.821.189	55.216.918.900
Chi phí khấu hao và phân bổ	20.074.430.412	15.316.261.009
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	39.906.525.191	53.580.190.490
	500.608.493.163	457.428.263.811

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.892.929.016.117	3.831.521.573.696
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.007.640.491.490	2.068.466.680.497
Chi phí nhân công và nhân viên	379.877.968.934	355.766.395.964
Chi phí khấu hao và phân bổ	123.138.992.534	113.843.946.359
Chi phí khác	142.999.909.433	155.411.035.847

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	558.307.823.710	577.904.861.372
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	393.986.965
	558.307.823.710	578.298.848.337
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(13.370.502.345)	4.337.079.332
	544.937.321.365	582.635.927.669

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.808.217.791.048	4.835.365.990.218
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	961.643.558.210	967.073.198.044
Thu nhập được miễn thuế	(445.720.975.377)	(415.164.293.598)
Chi phí không được khấu trừ thuế	29.047.021.904	30.699.103.256
Thay đổi trong thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	(32.283.372)	(366.066.998)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	393.986.965
	544.937.321.365	582.635.927.669

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Các công ty mẹ cấp trung gian		
Thai Beverage Public Company Limited		
Chi hộ cho Tổng Công ty	-	257.060.584
BeerCo Limited		
Chi hộ cho Tổng Công ty	21.216.738.152	19.318.898.028
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Vietnam Beverage		
Cổ tức công bố	3.436.425.870.000	2.749.140.696.000
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Bán hàng hóa và thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	29.407.807.315.955	31.197.007.898.165
Doanh thu khác	43.494.912.343	30.706.865.795
Mua hàng hóa	21.756.402.560	23.286.542.280
Mua dịch vụ	18.659.583.000	19.754.037.000
Chi phí vận chuyển	1.421.275.068	1.636.447.813
Chi phí thuê, sử dụng bao bì	26.880.003.795	29.104.919.457
Lợi nhuận được chia	946.245.307.227	1.011.419.486.872
Giao dịch khác	-	(4.741.181.625)
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi		
Bán nguyên vật liệu	1.190.608.969.001	1.428.448.111.286
Mua hàng hóa	3.090.273.487.960	3.633.117.527.970
Mua nguyên vật liệu	701.689.920	44.583.192
Thu nhập từ cổ tức	29.950.000.000	59.900.000.000
Giao dịch khác	343.916.241	608.712.902
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Bán nguyên vật liệu	1.183.765.486.548	701.743.097.473
Mua hàng hóa	3.039.821.709.080	1.805.890.146.330
Thu nhập từ cổ tức	-	14.372.300.000
Giao dịch khác	1.314.428.636	352.390.773



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam		
Bán nguyên vật liệu	637.084.132.370	679.505.525.205
Mua hàng hóa	1.791.358.486.880	1.851.152.751.020
Thu nhập từ cổ tức	21.665.000.000	21.665.000.000
Giao dịch khác	781.721.436	417.368.240
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng		
Bán nguyên vật liệu	564.870.316.580	581.197.311.970
Mua hàng hóa	1.522.758.305.210	1.485.863.286.840
Giao dịch khác	312.036.170	517.883.799
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng		
Bán nguyên vật liệu	548.057.777.287	908.017.665.102
Mua hàng hóa	1.477.731.795.010	2.293.801.568.990
Thu nhập từ cổ tức	10.582.500.000	26.456.250.000
Giao dịch khác	219.639.599	409.886.426
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Bán nguyên vật liệu	526.643.316.905	568.388.685.839
Doanh thu khác	1.554.115.788	1.706.047.788
Mua hàng hóa	1.377.438.846.860	1.444.787.032.150
Lợi nhuận được chia	44.116.807.577	42.377.685.907
Giao dịch khác	374.667.640	1.348.758.672
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Phú Lý		
Bán nguyên vật liệu	513.926.071.455	268.739.308.472
Mua hàng hóa	1.314.044.465.510	688.148.360.940
Giao dịch khác	363.534.702	242.822.224
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận		
Bán nguyên vật liệu	510.762.239.063	295.633.684.027
Mua hàng hóa	1.230.900.374.040	801.041.853.840
Giao dịch khác	166.904.088	77.404.257
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội		
Bán nguyên vật liệu	368.888.203.078	456.925.017.090
Mua hàng hóa	1.107.580.948.980	1.227.942.524.450
Thu nhập từ cổ tức	9.380.000.000	18.760.000.000
Giao dịch khác	1.498.016.222	623.758.149

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân		
Bán nguyên vật liệu	223.561.585.333	220.506.804.656
Doanh thu khác	377.505.600	532.533.600
Mua hàng hóa	586.597.761.050	581.812.191.400
Thu nhập từ cổ tức	768.525.000	768.525.000
Giao dịch khác	100.384.797	40.170.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh		
Bán nguyên vật liệu	154.166.764.952	162.263.664.213
Mua hàng hóa	487.372.298.180	480.363.284.880
Thu nhập từ cổ tức	4.022.900.000	2.873.500.000
Giao dịch khác	83.225.556	1.501.473.388
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Bán nguyên vật liệu	59.105.350.990	79.708.772.925
Doanh thu khác	-	154.560.000
Mua hàng hóa	325.498.873.130	352.264.383.040
Thu nhập từ cổ tức	62.585.250.000	55.182.350.000
Giao dịch khác	302.310.060	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm		
Doanh thu khác	1.926.286.572	2.086.980.805
Mua hàng hóa	4.783.385.700	4.246.967.160
Mua vật liệu bao bì	342.588.780.156	307.841.167.594
Hỗ trợ chi phí bán hàng	6.401.851.170	9.113.989.842
Chi phí vật phẩm quảng cáo	75.493.167.999	41.630.111.017
Giao dịch khác	2.896.855.667	742.676.682
Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn		
Doanh thu khác	5.155.811.877	197.688.000
Mua hàng hóa	4.343.740	1.091.043.240
Hỗ trợ chi phí bán hàng	433.722.011.067	367.955.541.733
Chi phí vật phẩm quảng cáo	1.433.614.140	3.574.619.316
Lợi nhuận được chia	174.449.670.619	128.197.880.295
Giao dịch khác	65.875.778	73.308.200
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc		
Doanh thu khác	3.356.481.838	3.486.060.928
Mua hàng hóa	689.151.060	882.110.960
Hỗ trợ chi phí bán hàng	199.790.506.510	192.168.330.412
Chi phí vật phẩm quảng cáo	9.948.729.250	14.328.817.219
Thu nhập từ cổ tức	91.085.232.174	64.149.165.046
Giao dịch khác	1.912.437.419	272.584.295

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Doanh thu khác	3.054.102.924	3.253.750.924
Hỗ trợ chi phí bán hàng	124.286.242.238	155.543.423.379
Chi phí vật phẩm quảng cáo	6.991.805.568	11.905.765.496
Thu nhập từ cổ tức	44.825.260.584	100.789.010.089
Giao dịch khác	4.201.579.922	6.352.754.841
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Doanh thu khác	2.844.231.600	3.049.255.600
Mua hàng hóa	2.516.440	-
Hỗ trợ chi phí bán hàng	132.886.415.684	143.699.808.689
Chi phí vật phẩm quảng cáo	5.672.558.160	8.708.244.129
Thu nhập từ cổ tức	40.426.320.051	43.147.718.948
Giao dịch khác	1.354.253.070	2.061.157.057
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông		
Doanh thu khác	2.798.949.684	3.003.301.684
Mua hàng hóa	419.554.480	16.302.180
Hỗ trợ chi phí bán hàng	247.143.052.787	211.693.444.461
Chi phí vật phẩm quảng cáo	6.994.559.604	12.371.661.567
Thu nhập từ cổ tức	107.922.835.800	121.812.174.000
Giao dịch khác	6.944.886.054	1.214.366.003
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Doanh thu khác	2.673.389.892	2.876.205.892
Hỗ trợ chi phí bán hàng	169.791.278.478	143.700.213.135
Chi phí vật phẩm quảng cáo	4.528.864.734	10.070.556.399
Thu nhập từ cổ tức	28.792.800.000	71.942.400.000
Giao dịch khác	1.369.457.580	2.394.948.445
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc		
Doanh thu khác	2.652.740.964	2.756.674.624
Hỗ trợ chi phí bán hàng	86.481.977.604	89.714.384.369
Chi phí vật phẩm quảng cáo	5.718.526.006	8.101.494.065
Thu nhập từ cổ tức	11.991.079.012	9.921.246.172
Giao dịch khác	1.797.776.472	176.366.805
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Doanh thu khác	2.343.195.024	2.527.474.024
Mua hàng hóa	2.516.440	-
Hỗ trợ chi phí bán hàng	83.497.104.777	65.148.545.906
Chi phí vật phẩm quảng cáo	3.726.955.388	6.701.433.490
Giao dịch khác	1.435.379.031	1.239.537.827

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Doanh thu khác	2.251.688.226	2.289.541.876
Mua hàng hóa	5.825.640	3.470.000
Hỗ trợ chi phí bán hàng	140.876.185.313	135.274.208.685
Chi phí vật phẩm quảng cáo	7.088.442.004	7.938.520.542
Thu nhập từ cổ tức	51.936.895.104	43.897.077.497
Giao dịch khác	3.667.512.082	5.070.272.894
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ		
Doanh thu khác	2.231.432.031	2.466.959.656
Mua hàng hoá	13.594.870	16.818.600
Hỗ trợ chi phí bán hàng	139.973.986.514	149.377.617.743
Chi phí vật phẩm quảng cáo	4.947.421.840	10.790.057.698
Thu nhập từ cổ tức	60.566.763.100	76.484.040.102
Giao dịch khác	1.525.370.058	2.746.932.232
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co		
Doanh thu khác	143.393.755	269.387.927
Mua dịch vụ bảo trì	39.021.840.704	38.294.863.787
Mua công cụ và dụng cụ	10.489.635.141	12.478.087.296
Lợi nhuận được chia	6.000.725.577	7.463.114.830
Giao dịch khác	-	2.853.978.526
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Bán nguyên vật liệu	-	167.946.000
Doanh thu khác	20.000.000	20.000.000
Mua hàng hóa	993.096.429	1.332.586.946
Mua dịch vụ	380.218.894	10.091.043.011
Cho vay	25.551.553.817	24.244.024.615
Thu nhập từ tiền lãi	26.424.107.506	24.362.739.305
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây		
Doanh thu khác	59.000.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn		
Doanh thu khác	-	151.107.000
Mua vật liệu bao bì	229.529.271.770	217.393.816.250
Giao dịch khác	-	155.141.088
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	515.200.000	517.120.000
Thu nhập từ cổ tức	-	6.422.834.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre		
Bán nguyên vật liệu	371.116.351.535	391.491.843.422
Mua hàng hóa	960.970.555.360	1.010.309.483.610
Mua vật liệu bao bì	4.242.625.774	5.440.861.922
Giao dịch khác	107.616.516	181.912.317
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa		
Bán nguyên vật liệu	256.834.395.484	314.544.631.640
Mua hàng hóa	638.271.274.650	778.843.862.900
Giao dịch khác	257.248.618	119.434.065
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung		
Bán nguyên vật liệu	227.174.498.392	400.054.343.224
Mua hàng hóa	739.925.353.710	1.026.111.425.170
Mua nguyên vật liệu	10.121.292.089	23.276.603.655
Thu nhập từ cổ tức	38.469.452.000	48.086.815.000
Giao dịch khác	231.904.170	200.618.091
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long		
Bán nguyên vật liệu	213.368.799.947	380.757.940.617
Mua hàng hóa	590.180.080.260	994.536.815.360
Thu nhập từ cổ tức	1.500.000.000	1.500.000.000
Giao dịch khác	93.145.533	123.391.983
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô		
Bán nguyên vật liệu	192.278.606.439	241.882.736.055
Mua hàng hóa	486.395.202.400	620.995.469.030
Giao dịch khác	133.046.871	77.685.348
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ		
Bán nguyên vật liệu	160.803.615.996	211.995.403.808
Mua hàng hóa	468.316.943.360	542.111.649.150
Thu nhập từ cổ tức	3.378.750.000	3.378.750.000
Giao dịch khác	149.957.182	99.841.350
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu		
Bán nguyên vật liệu	38.736.213.853	56.053.841.204
Mua hàng hóa	223.469.449.270	267.880.398.900
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam		
Doanh thu khác	6.886.000	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang		
Bán nguyên vật liệu	-	242.421.004.559
Mua hàng hóa	-	681.604.960.930
Mua nguyên vật liệu	-	1.913.695.691
Giao dịch khác	-	132.447.525
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	1.971.793.966.239	1.920.661.285.346
Lợi nhuận được chia	312.862.329.060	-
Giao dịch khác	5.604.163.436	2.153.559.467
Công ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura Phú Thọ		
Mua vật liệu bao bì	50.214.823.000	58.038.966.240
Lợi nhuận được chia	-	8.789.550.000
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh		
Mua dịch vụ	9.208.533.377	5.844.832.828
Lợi nhuận được chia	45.569.436.899	44.242.171.746
Các bên liên quan khác		
Thipchalothorn Co., Ltd		
Bán hàng hóa	163.752.750	276.592.726
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	138.221.125	221.039.904
Công ty TNHH S.A.S. CTAMAD		
Doanh thu khác	54.525.450	12.335.033
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam		
Mua vật liệu bao bì	1.647.159.705.388	1.583.688.973.838
Giao dịch khác	2.856.872.663	1.407.987.664
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	420.818.657.690	339.431.612.513
Thu nhập từ cổ tức	2.300.000.000	-
Giao dịch khác	33.854.969	-
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)		
Mua hàng hóa	2.309.792.857	3.178.592.633
Sustainability Expo Co., Ltd		
Mua dịch vụ	1.814.241.316	-
Dhospaak Co., Ltd		
Mua dịch vụ	929.106.897	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Bangkok Art Biennale Management Co., Ltd		
Mua dịch vụ	-	808.042.105
ASM Management Co., Ltd		
Mua dịch vụ	-	34.900.875
Chang International Co., Ltd		
Chi hộ Tổng Công ty	921.341.393	853.160.460
Hội đồng Quản trị		
<i>Lương, thưởng và thù lao</i>		
Ông Koh Poh Tiong – Chủ tịch	-	-
Ông Pramoad Phornprapha – Thành viên	844.000.000	676.000.000
Ông Nguyễn Tiến Vy – Thành viên	1.156.000.000	988.000.000
Ông Michael Chye Hin Fah – Thành viên	422.000.000	910.000.000
Bà Trần Kim Nga – Thành viên	1.078.000.000	910.000.000
Ông Lê Thanh Tuấn – Thành viên	1.294.000.000	910.000.000
Bà Ngô Minh Châu – Thành viên	1.078.000.000	910.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	29.945.996.043	32.377.865.340
Ủy ban Kiểm toán		
Thù lao	822.000.000	1.014.000.000

38. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2025	2024
	VND	VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	7.502.238.282	3.326.470.557
Chuyển đổi phải thu lãi từ cho vay thành phải thu về cho vay	25.551.553.817	24.244.024.615

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)



39. Sự kiện sau niên độ

Vào ngày 27 tháng 2 năm 2026, các cổ đông của Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương (“Chương Dương”), một công ty con, đã phê duyệt kế hoạch chuyển nhượng Dự án Đầu tư Nhà máy Nước Giải Khát Nhơn Trạch 3 và các tài sản liên quan của dự án, đây cũng là toàn bộ mảng kinh doanh sản phẩm nước giải khát của công ty con này, cho một bên nhận chuyển nhượng phù hợp. Tại ngày của báo cáo này, Ban Giám đốc của Chương Dương đang trong quá trình xem xét và đánh giá các đề xuất từ các bên quan tâm.

40. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ dữ liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Người lập:  Người duyệt: 

Nguyễn Văn Hòa Trần Nguyên Trung Koo Liang Kwee Tan Teck Chuan Lester
Kế toán Kế toán trưởng Phó Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc

